

**ĐỀ TÀI KC 01.05**

**“Nghiên cứu một số vấn đề kỹ thuật và công nghệ chủ yếu trong  
TMDT và triển khai thử nghiệm”**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT  
ĐỀ TÀI NHÁNH  
"THỬ NGHIỆM KÊ KHAI THUẾ GTGT  
QUA MẠNG INTERNET"**

**Đơn vị chủ trì  
TỔNG CỤC THUẾ**

**Đơn vị thực hiện chính  
CÔNG TY TIN HỌC  
HÀ THẮNG**

**6095-11**

*14/9/2006*

**Hà Nội, 4/2003**

**MỤC LỤC**

<b>Phần Mở đầu</b>	3
<b>Phần I: Tổng quan về vấn đề kê khai thuế qua mạng Internet</b>	5
1. Tình hình thế giới	5
2. Tình hình Việt Nam	8
<b>Phần II: Các vấn đề pháp lý liên quan đến kê khai thuế qua mạng Internet</b>	11
1. Đánh giá chung thực trạng về hệ thống pháp lý cho TMĐT ở Việt Nam	11
2. Tình hình thực hiện kê khai thuế GTGT hiện nay ở Việt Nam	12
<b>Phần III: Quy trình kê khai thuế GTGT</b>	16
1. Khảo sát quy trình kê khai thuế GTGT	16
2. Quy trình kê khai thuế GTGT tại các doanh nghiệp	17
3. Quy trình xử lý số liệu kê khai thuế GTGT tại cơ quan quản lý thuế	18
<b>Phần IV: Phân tích, thiết kế hệ thống kê khai thuế GTGT qua mạng Internet</b>	23
1. Hệ thống truyền nhận số liệu kê khai thuế	23
2. Hệ thống truyền nhận thông báo từ cơ quan quản lý thuế tới doanh nghiệp	26
3. Phân tích chương trình truyền nhận số liệu kê khai thuế và thông báo	28
<b>Phần V: Phân tích, thiết kế hệ thống cấp phát và quản lý chứng chỉ số ngành Thuế</b>	37
1. Giới thiệu một số mô hình hệ thống cấp phát và quản lý chứng chỉ số đang áp dụng hiện nay	37
2. Đề xuất mô hình CA áp dụng cho Tổng cục thuế	43
3. Mô tả hoạt động của hệ thống cấp phát và quản lý chứng chỉ số ngành Thuế	44
<b>Phần VI: Thử nghiệm kê khai thuế GTGT qua mạng Internet</b>	53
1. Mục đích, địa điểm, thời gian thử nghiệm	53
2. Thành phần tham gia	53
3. Mô hình hệ thống thử nghiệm	53
4. Các bước thử nghiệm	55
<b>Phần VII: Kết luận và kiến nghị</b>	57
1. Kết luận	57
2. Kiến nghị	57
<b>Phần VIII: Các Phụ lục</b>	
Phụ lục 1: Mẫu Phiếu điều tra	
Phụ lục 2: Danh sách các Tờ khai và Bảng kê	

**Báo cáo tổng kết Đề tài "Thử nghiệm kê khai thuế giá trị gia tăng qua mạng Internet"**

---

Phụ lục 3: Quy định về mã số đối tượng nộp thuế

Phụ lục 4: Cấu hình hệ thống thử nghiệm

Phụ lục 5: Mẫu phiếu đăng ký tham gia thử nghiệm kê khai thuế qua mạng Internet

Phụ lục 6: Danh sách các doanh nghiệp tham gia thử nghiệm

Phụ lục 7: Báo cáo của các Cục thuế Hà Nội và Hà Tây về quá trình thử nghiệm kê khai thuế GTGT qua mạng Internet

## PHẦN MỞ ĐẦU

Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) được thi hành từ 1-1-1999, sau hơn 5 năm thực hiện, về cơ bản đã đáp ứng được các mục tiêu đặt ra. Luật thuế này đã đi vào cuộc sống; bước đầu đã phát huy được tác dụng trên các mặt hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đảm bảo nguồn thu ngân sách, thúc đẩy việc thực hiện quản lý hạch toán kinh doanh của các đối tượng nộp thuế.

Theo quy định của Luật này, hàng tháng các doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý thuế tờ khai thuế GTGT, các bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra/mua vào và báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn. Các doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về những số liệu báo cáo. Cơ quan quản lý thuế chỉ kiểm tra khi có nhu cầu (nghỉ ngờ có sự gian lận hoặc sai sót trong số liệu báo cáo, khi duyệt xét hoàn thuế hoặc khi thực hiện quyết toán năm v.v.). Cách làm này đã thể hiện đúng tư tưởng "hậu kiểm" của Luật doanh nghiệp mới, thể hiện sự tin tưởng của các cơ quan quản lý nhà nước vào sự trung thực của doanh nghiệp và giảm sự phiền hà cho doanh nghiệp khi không phải thường xuyên tiếp cận bộ quản lý thuế đến kiểm tra số liệu báo cáo thuế hàng tháng.

Tuy nhiên cách làm này cũng còn bộc lộ một số nhược điểm sau:

- **Thứ nhất:** Khi cơ quan quản lý thuế nhận được tờ khai, hồ sơ thuế của doanh nghiệp, bộ phận nhập số liệu sẽ phải nhập lại các số liệu từ các báo cáo đó. Một sự lãng phí về công sức, thời gian và tiềm ẩn các lỗi nhập liệu. Ngoài ra, hiện nay do số lượng dữ liệu về hoá đơn trên các bảng kê hoá đơn hàng hoá/dịch vụ mua vào/bán ra quá lớn nên các Cục thuế không tiến hành nhập các số liệu này vào máy tính. (Hàng năm trung bình ngành Thuế phát hành khoảng 300 triệu hoá đơn, trong đó gần một nửa là hoá đơn khấu trừ thuế GTGT. Số đối tượng nộp thuế GTGT và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ trên toàn quốc là khoảng 100 nghìn đối tượng bao gồm: 6.000 doanh nghiệp nhà nước, 2.400 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và khoảng 90.000 doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần và một số hộ cá thể lớn thực hiện tốt chế độ kế toán, hoá đơn chứng từ, đủ điều kiện tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).
- **Thứ hai:** Hàng tháng, doanh nghiệp phải cử người trực tiếp nộp tờ khai thuế và bảng kê hoá đơn tại cơ quan quản lý thuế hoặc gửi qua đường Bưu điện. Nếu trụ sở của doanh nghiệp ở cách xa trụ sở của cơ quan quản lý thuế, thì việc đi lại hoặc gửi Bưu điện sẽ gặp khó khăn, mất nhiều thời gian và có thể bị mất tờ khai.

Từ các nhận xét trên có thể rút ra kết luận là: Cần có một phương thức kê khai, nộp thuế mới hiện đại hơn, thuận tiện hơn cho doanh nghiệp và cho cơ quan quản lý thuế trên cơ sở tận dụng các tính năng ưu việt của công nghệ thông tin, nói chung, và mạng Internet, nói riêng. Vì vậy mục tiêu của Đề tài này là:

- 1) Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến phương thức kê khai thuế GTGT của các doanh nghiệp qua mạng Internet, bao gồm: các vấn đề pháp lý liên quan, các quy trình nghiệp vụ, các vấn đề kỹ thuật-công nghệ v.v.

**Báo cáo tổng kết Đề tài "Thử nghiệm kê khai thuế giá trị gia tăng qua mạng Internet"**

---

- 2) Xây dựng giải pháp kỹ thuật và thử nghiệm việc gửi các tờ khai thuế giá trị gia tăng, bảng kê hoá đơn chứng từ hàng tháng của doanh nghiệp cho cơ quan quản lý thuế qua mạng Internet.
- 3) Đề xuất các kiến nghị cần thiết cho việc hoàn thiện giải pháp kỹ thuật - công nghệ, quy trình nghiệp vụ để triển khai diện rộng phương thức kê khai qua mạng Internet cho thuế GTGT và cho các loại sắc thuế khác trong tương lai.
- 4) Đề xuất các kiến nghị cần thiết cho việc xây dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý, hạ tầng công nghệ, hạ tầng cơ sở bảo mật thông tin để tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng và phát triển TMĐT ở Việt Nam.

Đề tài đã được thực hiện trong thời gian khoảng 20 tháng, từ tháng 5/2002 đến hết tháng 12/2003. Các đơn vị tham gia chính bao gồm:

- 1) Phòng máy tính (nay là Trung tâm Tin học và Thống kê), Tổng cục thuế.
- 2) Một số Phòng, Ban chức năng khác của Tổng cục thuế.
- 3) Công ty Tin học Hà Thắng.
- 4) Ban cơ yếu chính phủ.

Trong quá trình thực hiện, đề tài đã nhận được sự giúp đỡ và hỗ trợ nhiệt tình cả về vật chất lẫn tinh thần của nhiều tổ chức và cá nhân. Ban chủ nhiệm Đề tài xin chân thành cảm ơn các tổ chức và cá nhân sau đã có những đóng góp thiết thực cho sự thành công của Đề tài:

- 1) Cục Tin học và Thống kê tài chính, Bộ Tài chính và ông Trần Nguyên Vũ, Phó Cục trưởng.
- 2) Công ty Intel Việt Nam và ông Trịnh Thanh Lâm, Giám đốc phát triển.
- 3) Công ty điện toán và truyền số liệu VDC và ông Vũ Hoàng Liên, Giám đốc công ty.
- 4) Phòng tin học và xử lý thông tin, Cục thuế Hà Nội.
- 5) Phòng tin học và xử lý thông tin, Cục thuế Hà Tây.

Toàn bộ kết quả nghiên cứu và thử nghiệm của Đề tài được trình bày trong 7 Phần và 1 Phụ lục kèm theo.

**PHẦN I**

**TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ KÊ KHAI THUẾ QUA MẠNG**

**I. Tình hình thế giới**

**1. Kê khai điện tử là gì?**

*Kê khai điện tử (Electronic filing hay E-filing) là quá trình tạo lập và truyền các văn bản hoặc thông tin liên quan tới nơi tiếp nhận thông qua các phương tiện điện tử.*

Kê khai điện tử là một trong những ứng dụng phổ biến hiện nay của thương mại điện tử (Electronic Commerce) và chính phủ điện tử (Electronic Government), nhiều lúc được đánh đồng với một hình thức hoạt động thương mại điện tử lâu đời là trao đổi dữ liệu điện tử (EDI - Electronic Data Interchange). Trong khi trao đổi dữ liệu điện tử EDI thường được dùng để trao đổi dữ liệu giữa các tổ chức, doanh nghiệp, nói một cách tổng quát là giữa các tổ chức với nhau, thì kê khai điện tử được áp dụng trong các giao dịch giữa công dân hoặc các tổ chức, doanh nghiệp với các cơ quan công quyền, giữa khách hàng với các nhà cung cấp dịch vụ, giữa các cá nhân với một tổ chức v.v., tức là giữa các cá nhân hoặc tổ chức với một tổ chức khác. Vì thế có thể nói đối tượng sử dụng của kê khai điện tử còn rộng hơn cả đối tượng sử dụng của trao đổi dữ liệu điện tử.

Việc kê khai điện tử đã được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới từ nhiều năm nay và trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: kê khai thuế, kê khai hải quan, kê khai xuất nhập cảnh, đăng ký kinh doanh, gửi đơn khiếu tố - khiếu nại tới tòa án v.v.

Công nghệ áp dụng cho kê khai điện tử (E-filing) và trao đổi dữ liệu điện tử EDI có nhiều điểm giống nhau, ví dụ như XML/EDI, ebXML v.v.

**2. Tình hình áp dụng kê khai điện tử tại các nước:**

**Hoa Kỳ:**

- ✓ Hoa Kỳ là một trong những nước đi đầu trên thế giới trong việc áp dụng hình thức kê khai điện tử. Việc kê khai điện tử ở Hoa Kỳ đã được áp dụng cho nhiều lĩnh vực, trong đó có thuế, hải quan, dược phẩm, tòa án, đăng ký phát minh - sáng chế v.v.
- ✓ Việc kê khai thuế thu nhập cá nhân qua mạng bắt đầu được áp dụng từ năm 1997. Đến năm 2004 này sẽ áp dụng cho cả các doanh nghiệp. Ngoài việc kê khai thuế, các nghiệp vụ khác liên quan đến thuế như cấp mã số thuế, nộp thuế, hoàn thuế cũng được thực hiện qua mạng.
- ✓ Năm 1998 Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua đạo luật bổ sung, sửa chữa Luật thuế thu nhập, trong đó có đề ra mục tiêu đến năm 2007 có ít nhất 80% đối tượng nộp thuế thu nhập sẽ kê khai và nộp các khoản thuế Liên bang qua mạng Internet. Năm 2000, 40% trong tổng số 130 triệu tờ khai thuế thu nhập cá nhân được thực hiện qua mạng. Năm 2003 có 40% đối tượng nộp thuế kê khai thuế qua mạng. Hiện nay ở Hoa Kỳ có 132 triệu đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân và số tiền thuế thu được hàng năm từ các đối tượng này là trên 1000 tỷ USD.

**Báo cáo tổng kết Đề tài "Thử nghiệm kê khai thuế giá trị gia tăng qua mạng Internet"**

---

- ✓ Cũng trong đạo luật đó đã yêu cầu cơ quan quản lý thuế xây dựng chiến lược 10 năm để loại bỏ các rào cản đối với việc kê khai thuế qua mạng. Ngày 30/01/2003 Cục thuế Liên bang đã ban hành các quy định cần thiết cho việc loại bỏ các rào cản về mặt pháp lý còn lại đối với việc kê khai thuế qua mạng. Các quy định này bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2003.
- ✓ Hệ thống đóng thuế liên bang qua mạng (The Electronic Federal Tax Payment System - EFTPS) được cung cấp miễn phí và hoạt động 24/7. Đến nay đã có trên 4 triệu đối tượng nộp thuế sử dụng hệ thống này.
- ✓ Người ta đã thống kê được rằng: Kê khai thuế qua mạng giảm các lỗi và sai sót 20 lần so với kê khai bằng tay. Để khuyến khích việc kê khai thuế qua mạng, cơ quan quản lý thuế thực hiện việc hoàn thuế cho kê khai qua mạng trong vòng 10 ngày thay vì 4 đến 6 tuần như trong trường hợp kê khai bằng giấy.
- ✓ Người được lợi nhiều nhất trong việc áp dụng kê khai thuế qua mạng là cơ quan thuế "*Khi kê khai bằng giấy, cơ quan thuế phải có nhân viên nhập liệu làm việc 24 giờ một ngày để nhập số liệu kê khai thuế. Khi kê khai qua mạng, gần như không cần đến nhân viên nhập liệu do đó có thể điều chuyển lực lượng nhân sự này sang làm các công việc khác như thanh tra, kiểm tra thuế v.v.*"
- ✓ Ngoài ra người ta cũng tính toán được rằng: Chi phí xử lý một bản khai điện tử là 3 cent, trong khi chi phí cho 1 bản khai bằng giấy là 72.5 cent. Tỷ lệ lỗi của bản khai điện tử là khoảng 3%, còn của bản khai bằng giấy là 17-20%.

**Australia:**

- ✓ Việc áp dụng hình thức nộp tờ khai thuế điện tử được bắt đầu từ 1998 trước cả khi ban hành Luật giao dịch điện tử (1999). Thời gian đầu các Tư vấn thuế (Tax Agent) vẫn phải lưu giữ các hồ sơ liên quan đến tờ khai thuế, nhưng từ sau khi có Luật giao dịch điện tử, Tư vấn thuế gửi tờ khai điện tử đến cơ quan thuế và dữ liệu được lưu trữ, xử lý tự động bởi hệ thống máy tính của cơ quan thuế.
- ✓ Việc đăng ký kinh doanh qua mạng được bắt đầu từ năm 2000. Việc cấp mã số đối tượng nộp thuế (Business Number) trước đây thường mất 28 ngày, nay được cấp ngay lập tức khi doanh nghiệp thực hiện việc đăng ký qua mạng.

**Nhật bản:**

Với tư cách là một thành phần của chương trình xây dựng chính phủ điện tử (E-government), việc xây dựng hệ thống Thuế điện tử (E-Tax System) của Nhật Bản vẫn đang trong giai đoạn phát triển. Dưới đây là một số mốc thời gian quan trọng của hoạt động này:

- ✓ Năm 2000: thí điểm kê khai thuế qua mạng tại một số địa bàn.
- ✓ Năm 2001: Hoàn tất thiết kế hệ thống.
- ✓ Năm 2002: Lập chương trình, kiểm tra các đơn vị trong ngành thuế, bổ sung trang thiết bị cho toàn ngành thuế.

**Báo cáo tổng kết Đề tài "Thử nghiệm kê khai thuế giá trị gia tăng qua mạng Internet"**

---

- ✓ Năm 2003 : Kiểm tra tổng hợp và kiểm tra sự ăn khớp giữa các bộ phận trong hệ thống để bắt đầu đưa vào vận hành.
- ✓ Năm 2004, bắt đầu từ tháng 2, áp dụng phương thức kê khai điện tử cho thuế thu nhập cá nhân và thuế tiêu thụ tại các cơ quan thuế địa phương để sau tháng 6/2004 sẽ triển khai rộng ra toàn quốc.

Hệ thống kê khai thuế điện tử của cơ quan Thuế Nhật Bản (National Tax Agency of Japan) cũng đồng thời cho phép ĐTNT thực hiện việc nộp thuế qua mạng, nộp thuế điện tử (E-Payment). Có lẽ đây cũng chính là lý do làm cho việc triển khai kê khai thuế qua mạng ở Nhật Bản mất nhiều thời gian đến như vậy.

**Hàn Quốc:**

- ✓ Năm 1999, ra mắt Web Site của cơ quan Thuế Hàn Quốc (Korea National Tax Service).
- ✓ Năm 2001, khai trương Trung tâm quốc gia tư vấn tổng hợp về thuế (National Tax General Consulting Center) nhằm cung cấp các dịch vụ tư vấn, giải đáp thắc mắc cho ĐTNT trong các vấn đề liên quan đến kê khai và nộp thuế.
- ✓ Năm 2002, Dịch vụ Thuế tại nhà (Home Tax Service) bắt đầu cung cấp cho ĐTNT các dịch vụ như: kê khai thuế, mua hóa đơn thuế, nộp thuế và xác nhận thuế qua mạng.v.v.

**Hồng Kông:**

- ✓ Cơ quan Thuế Hồng Kông (The Inland Revenue Department - IRD) bắt đầu áp dụng kê khai thuế điện tử từ tháng 12/2000. Việc áp dụng kê khai thuế điện tử nằm trong Chương trình cung cấp dịch vụ điện tử của Chính phủ Hồng Kông, trong đó hạ tầng cơ sở CNTT-TT được thiết lập để cơ quan thuế thực hiện các giao dịch với ĐTNT thông qua Internet một cách an toàn và bảo mật.

**Đài Loan:**

- ✓ Năm 1998, Chính phủ Đài Loan thành lập lực lượng đặc nhiệm để xây dựng kế hoạch và xúc tiến việc kê khai và nộp thuế qua mạng.
- ✓ Năm 2000, Bộ Tài chính thiết lập cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh toàn quốc trên mạng Internet.
- ✓ Năm 2001, Dự án tổng thể về Dịch vụ Thuế điện tử (Electronic Tax Service) được khởi động để tích hợp nhiều loại dịch vụ thuế trên mạng. Trong số các dịch vụ được tích hợp có: Kê khai thuế điện tử và nộp thuế điện tử. Ngoài ra hệ thống này còn cung cấp dịch vụ chứng từ điện tử (Electronic Invoicing) cho các doanh nghiệp.

**Trung Quốc:**

Việc kê khai thuế điện tử ở Trung Quốc đã được manh nha từ những năm 80 của thế kỷ 20. Trong khoảng 20 năm đó, hình thức kê khai thuế này đã có sự phát triển rất nhiều: từ phân tán tiến đến tập trung, từ đơn giản tiến đến phức tạp, từ rời rạc tiến đến tích hợp. Trung Quốc đã lần lượt áp dụng các hình thức kê khai điện tử sau:



**Báo cáo tổng kết Đề tài "Thử nghiệm kê khai thuế giá trị gia tăng qua mạng Internet"**

---

- 1) Đối tượng nộp thuế (ĐTNT) điền vào tờ khai đặc biệt, sau đó cơ quan thuế sẽ dùng thiết bị chuyên dụng để quét tờ khai vào máy tính.
- 2) ĐTNT kê khai qua điện thoại vào máy chủ của cơ quan thuế.
- 3) ĐTNT nhập tờ khai vào một thiết bị kê khai đặc biệt và truyền trực tiếp đến cơ quan thuế.
- 4) ĐTNT ghi tờ khai thuế vào đĩa mềm và chuyển cho cơ quan thuế
- 5) ĐTNT kê khai trên mạng: a) Sử dụng phần mềm để truy nhập vào máy chủ của cơ quan thuế để kê khai và chuyển thông tin liên quan vào máy chủ; b) Kê khai qua mạng Internet.

**Ghi chú:**

- ✓ Hình thức 1 đang được áp dụng thử nghiệm tại Cục thuế TP Hồ Chí Minh.
- ✓ Hình thức 5, kiểu b) được sử dụng trong đề tài này.

Trung Quốc coi việc áp dụng các dịch vụ thuế điện tử (E-tax Service), trong đó có kê khai thuế điện tử, là một trong các nội dung chủ yếu của công cuộc hiện đại hóa ngành thuế. Ngày nay, đối với kê khai thuế điện tử, ở Trung Quốc chủ yếu áp dụng các hình thức kê khai điện tử dựa trên nền công nghệ Web service. Hệ thống Web Service của cơ quan thuế Trung Quốc, cho phép đối tượng nộp thuế thực hiện được các công việc sau:

- Kê khai các loại thuế và phí qua mạng Internet;
- Tra cứu các thông tin liên quan đến quá trình nộp thuế của ĐTNT;
- Tra cứu các văn bản quy phạm pháp luật, các tài liệu hướng dẫn về thuế v.v.
- Gửi đơn khiếu nại, tố cáo tới cơ quan thuế.

Hiện nay, ngành Thuế Trung Quốc đã bắt đầu triển khai "Dự án thuế vàng - Giai đoạn 3" (Golden Tax Project - Third Stage) với mục tiêu thiết lập Hệ thống thông tin quản lý thuế (Tax Administration Information System) trong toàn quốc. Hai trong các nội dung chính của Dự án này là: Kê khai thuế điện tử (Tax filling) và Đăng ký thuế điện tử (Tax Registration).

**Singapore:**

- ✓ Cơ quan thuế thu nhập nội địa (The Inland Revenue Authority of Singapore - IRAS) áp dụng hình thức kê khai qua điện thoại từ năm 1994 và qua mạng Internet từ năm 1998. Ban đầu chỉ các cá nhân mới được phép kê khai qua mạng, dần dần các doanh nghiệp cũng được phép kê khai qua mạng, nhưng hồ sơ hoàn thuế vẫn phải thực hiện theo phương thức truyền thống. Ngày nay bên cạnh việc kê khai thuế qua mạng Internet, Singapore vẫn duy trì hình thức kê khai thuế qua điện thoại.
- ✓ Singapore là nước đầu tiên trên thế giới cho phép các đối tượng nộp thuế (ĐTNT) kê khai trực tiếp qua Internet. Mỹ và Canada vào thời điểm đó chỉ cho phép kê khai thông qua các cơ sở đại lý (Tax Agent).

**Báo cáo tổng kết Đề tài "Thử nghiệm kê khai thuế giá trị gia tăng qua mạng Internet"**

---

- ✓ Năm 2003 trên 60% (trên 900.000) ĐTNT thu nhập cá nhân ở Singapore thực hiện kê khai thuế qua mạng Internet.
- ✓ Mỗi bản khai điện tử tiết kiệm cho cơ quan thuế 2.7 đôla. Vì vậy, theo tính toán của cơ quan quản lý thuế Singapore, nếu có 20-30% ĐTNT kê khai qua mạng, thì sau 5 năm sẽ thu hồi vốn đầu tư cho hệ thống kê khai thuế qua mạng.
- ✓ Để khuyến khích các ĐTNT kê khai qua mạng, Cơ quan thuế tổ chức quay số số có thưởng cho các cá nhân kê khai thuế thu nhập qua mạng với 1 giải cao nhất trị giá 50.000 đô la Sing (khoảng 30.000 USD) và 2000 giải trị giá 50 đô la Sing.
- ✓ Bắt đầu từ 15/01/2000 việc đăng ký thành lập công ty được thực hiện qua mạng. Thời gian được rút ngắn từ 2 ngày xuống còn 2 giờ. Ngoài ra phí đăng ký thành lập công ty cũng chỉ còn 300 đôla Singapore (khoảng 200 USD), giảm 98% so với trước đây. Đây là kết quả của dự án hợp tác giữa nhà cung cấp dịch vụ Internet với cơ quan dịch vụ đăng ký thành lập công ty và doanh nghiệp Singapore (RCB). Chi phí cho dự án này là khoảng chín triệu đôla Singapore.

**Malaysia:**

- ✓ Malaysia bắt đầu áp dụng việc kê khai thuế qua mạng từ tháng 4/2002 theo mô hình tự tính-tự khai-tự nộp. Các tư vấn thuế hoặc ĐTNT có thể tải phần mềm về để chuẩn bị tờ khai thuế. Các tư vấn thuế và ĐTNT phải sử dụng một loại thẻ đa năng của Chính phủ (GPMC) để bảo mật việc truyền tờ khai cho cơ quan thuế.
- ✓ Theo tính toán của cơ quan quản lý thuế Malaysia, việc kê khai thuế qua mạng sẽ giải phóng được 80% nhân viên để chuyển sang làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

**Thái Lan:**

Cơ quan Thuế Thái Lan (The Thai Revenue Department) bắt đầu triển khai việc kê khai thuế GTGT qua mạng từ tháng 5/2001. Đến nay, các doanh nghiệp đã có thể kê khai qua mạng cho 15 loại sắc thuế khác nhau.

Việc kê khai và hoàn thuế cho các ĐTNT thu nhập cá nhân cũng được thực hiện qua mạng và hiện nay cơ quan Thuế Thái Lan chấp nhận việc nộp thuế điện tử thông qua một trong các loại phương tiện sau:

- Máy rút tiền tự động (ATM);
- Internet;
- Thanh toán điện tử (E-payment);
- Tele-Banking (Dịch vụ ngân hàng qua điện thoại cố định);
- Mobile-Bank (Dịch vụ ngân hàng qua điện thoại di động);
- Quầy thu tiền của Bưu điện.

**Indonesia:**